

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**Giải pháp khai thác cơ sở dữ liệu ngành giáo dục
nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở trường
THCS Đô Thị Việt Hưng**

Lĩnh vực/Môn: **Quản lý giáo dục**

Cấp học: **Trung học cơ sở**

Họ và tên tác giả: **Bùi Đắc Tú**

Chức vụ: **Phó Hiệu trưởng**

ĐT: **0988287865**

Đơn vị công tác: **Trường THCS Đô Thị Việt Hưng,
quận Long Biên - Hà Nội**

Long Biên, tháng 3 năm 2025



MỤC LỤC

DANH MỤC KÍ HIỆU VÀ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	4
1. Lý do chọn đề tài:	4
2. Phạm vi của đề tài:	4
3. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu:	5
4. Cấu trúc của đề tài:	5
PHẦN II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	6
1. Tổng quan về chuyển đổi số trong giáo dục và quản lý giáo dục	6
1.1. Một số khái niệm cơ bản	6
1.2. Sự cần thiết của chuyển đổi số trong trường THCS	7
1.3. Hệ thống văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số trong giáo dục trung học	8
1.4. Lợi ích của chuyển đổi số trong trường THCS đối với các bên liên quan	11
2. Cơ sở thực tiễn	13
2.1 Thực trạng “chuyển đổi số” trong giáo dục đào tạo hiện nay và ở trường THCS	13
2.2 Kết quả tìm hiểu các bài viết, sáng kiến kinh nghiệm đã có.....	16
3. Các biện pháp cụ thể:.....	17
3.1 Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý hoạt động dạy học.....	17
3.2 Tổ chức lồng ghép tuyên truyền, kích lệ việc “chuyển đổi số” và ứng dụng CNTT vào dạy học, thực hành	26
3.3 Tăng cường quản lý việc tổ chức tập huấn, hướng dẫn kĩ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về CNTT	27
4. Kết quả.....	29
PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	31
IV. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	32

DANH MỤC KÍ HIỆU VÀ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Từ viết tắt
1.	GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
2.	THCS	Trung học cơ sở
3.	THPT	Trung học phổ thông
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	GDTX	Giáo dục thường xuyên

VIỆ
TRU
UNG
ĐÓ
VIỆ

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài:

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ hiện nay đã đem đến nhiều sự thay đổi trong mọi mặt của đời sống xã hội. Xã hội đi lên theo hướng hiện đại, một xã hội “mở”, xã hội tri thức, đòi hỏi con người phải phát triển một cách toàn diện. Trước đây, tri thức chỉ có được nhờ vào sách vở trong thư viện, hay từ trí nhớ của con người, qua sự hướng dẫn, truyền thụ của người thầy; thì giờ đây kỉ nguyên số không chỉ mang đến nhiều khái niệm mới trong cuộc sống như internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, robotics, xử lý dữ liệu lớn,.. mà còn mang đến cho cộng đồng cơ hội được chia sẻ, giao lưu, tiếp cận và đóng góp chung vào các thành tựu văn minh nhân loại. Với bối cảnh xã hội phát triển hiện đại như vậy, người học giờ đây cần biết tận dụng lợi thế mà thời đại 4.0 mang lại với nguồn thông tin, học liệu mở gần như vô hạn, để có thể chiếm lĩnh tri thức từ nhiều nguồn, từ đó kết nối những cái chưa biết và đã biết, góp phần đẩy mạnh một xã hội học tập, mở rộng quan điểm sống, linh hoạt thay đổi và sáng tạo các phương pháp học tập phù hợp.

Việc tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy học và quản lý cũng đồng nghĩa với việc các nhà lãnh đạo phải nâng cao vai trò của mình trong công tác quản lý việc chuyển đổi số ở đơn vị trường học mà mình chịu trách nhiệm.

Để bắt kịp với yêu cầu và tiêu chuẩn thời đại công nghệ kĩ thuật số mới, ngành giáo dục nói chung và các trường học nói riêng đang rất chú trọng đến việc phát triển chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh.

Thực tiễn công tác dạy và học tại trường THCS Đô Thị Việt Hưng, tôi nhận thấy đối tượng học sinh - phụ huynh hiện nay có nhu cầu cập nhật thông tin của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục nhằm tăng cường trao đổi thông tin giữa gia đình và nhà trường. Vì thế, việc vận dụng công nghệ số vào quản lý học sinh cũng như giảng dạy và học tập là một quy luật phát triển tất yếu của thời đại.

Chính từ những lý do đó, tôi chọn đề tài “Giải pháp khai thác cơ sở dữ liệu ngành giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở trường THCS Đô Thị Việt Hưng”.

2. Phạm vi của đề tài:

Trường THCS Đô Thị Việt Hưng quận Long Biên đạt mức độ 2 về hoạt động ứng dụng CNTT và chuyển đổi số (theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), vì vậy đề tài “Giải pháp góp phần

quản lý có hiệu quả việc “chuyển đổi số” nhằm thúc đẩy, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở trường THCS Đô Thị Việt Hưng hiện nay” hướng tới việc cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo cũng như công tác quản lý dạy – học tại trường THCS Đô Thị Việt Hưng nói riêng, và đối với những cơ sở, đơn vị giáo dục trong khu vực quận Long Biên có cùng cơ sở vật chất và mức độ quan tâm đến công tác “chuyển đổi số” trong quản lý giáo dục nói chung.

3. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu:

Đề tài tập trung nghiên cứu về những giải pháp góp phần khai thác cơ sở dữ liệu ngành giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở trường THCS Đô Thị Việt Hưng.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng là nghiên cứu lý luận, tổng kết từ những bài viết, những sáng kiến kinh nghiệm có đề tài tương tự, đồng thời thực nghiệm trong thực tế quản lý cơ sở dữ liệu giáo dục của trường THCS Đô Thị Việt Hưng.

4. Cấu trúc của đề tài:

Phần I: Đặt vấn đề

1. Lý do chọn đề tài.
2. Phạm vi của đề tài.
3. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.

Phần II: Giải quyết vấn đề

1. Tổng quan về chuyển đổi số trong giáo dục và quản lý giáo dục.
2. Cơ sở thực tiễn.
3. Các biện pháp cụ thể.
4. Kết quả.

Phần III: Kết luận và khuyến nghị.



PHẦN II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Tổng quan về chuyển đổi số trong giáo dục và quản lý giáo dục

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Chuyển đổi số

Chuyển đổi số (digital transformation) là sự thay đổi có tổ chức trên cơ sở sử dụng các nguồn lực và tiến bộ công nghệ mới nổi như dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí thông minh nhân tạo, thực tế ảo và thực tế tăng cường, ứng dụng di động, mạng xã hội, internet vạn vật, công nghệ chuỗi khối, máy học... để cải thiện mọi hoạt động của tổ chức. Qua đó ta hiểu rằng bản chất của chuyển đổi số chính là sự thay đổi một cách đồng bộ và có hệ thống với toàn bộ chiến lược tổ chức, lãnh đạo, cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động, quy trình và cách thức vận hành công việc, văn hóa của tổ chức, nhận thức và khả năng của con người theo hướng phù hợp với môi trường xã hội mới, và tạo ra được những giá trị mới cho tổ chức nói riêng, mang lại cho con người nói chung những giá trị và trải nghiệm tốt hơn và nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như lợi thế cạnh tranh cho tổ chức chứ không chỉ đơn thuần là sự thay đổi, áp dụng công nghệ mới là xong.

1.1.2. Chuyển đổi số trong trường THCS

Chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông được thực hiện ở cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và trường THCS. Trong phạm vi tài liệu này tập trung vào chuyển đổi số trong trường THCS. Chuyển đổi số trong trường THCS là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện các hoạt động dạy học, giáo dục và quản trị trường học dựa trên nền tảng các công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả quản trị trường học, chất lượng giáo dục, từ đó cải thiện kết quả học tập của học sinh.

Chuyển đổi số trong trường THCS thể hiện chủ yếu trên hai khía cạnh.

Thứ nhất, trong tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục, chuyển đổi số được thể hiện qua việc sử dụng các phần mềm dạy học trực tuyến; số hoá học liệu; phần mềm quản lý kết quả kiểm tra, đánh giá của học sinh; ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo để theo dõi, phân tích và đánh giá học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập; sử dụng thực tế ảo để đa dạng hoá bối cảnh học tập và tăng cường tính trải nghiệm và tương tác giữa giáo viên với học sinh, học sinh với công nghệ ảo,...

Thứ hai, trong quản trị trường học, chuyển đổi số được áp dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực với một số tính năng như:

- Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục học sinh: quản lý học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập trên lớp, quản lý sự tham gia vào các hoạt động giáo dục bắt buộc như hoạt động trải nghiệm; ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường; điểm danh học sinh; cập nhật thông tin về kết quả học tập của học sinh từ đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

- Quản trị hành chính: quản lý hồ sơ học sinh theo mã định danh; sử dụng e-mail giáo dục theo mã định danh; quản lý hệ thống báo cáo, thống kê, tổng hợp số liệu; Xếp lịch hoạt động; tổ chức họp trực tuyến; hệ thống quản lý hành chính điện tử e-office (lưu trữ, quản lý văn bản đến - đi; phân công xử lý văn bản; số hoá tài liệu; chữ ký số); gửi thông báo hàng loạt; trung cầu ý kiến; biểu quyết; quản lý hoạt động tuyển sinh (tổ chức đăng ký trực tuyến, thống kê và theo dõi phí ghi danh và thông tin thanh toán...)

- Quản trị tài chính - cơ sở vật chất: quản lý kế toán, lập dự toán thu chi, thực hiện thanh quyết toán, trích xuất báo cáo; thu học phí và phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt; xuất hoá đơn điện tử, quản lý cơ sở vật chất, quản lý an toàn trường học (camera giám sát, theo dõi, báo động phòng cháy chữa cháy)

- Quản trị nhân sự: quản lý hồ sơ nhân sự (thông tin cá nhân, kết quả đánh giá, khen thưởng, kỷ luật); Cập nhật và lưu giữ các thông tin của cán bộ, giáo viên như thông tin về chấp hành nội quy trường học, điểm danh...

- Quản trị hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục nhà trường: lưu trữ minh chứng phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục...

1.2. Sự cần thiết của chuyển đổi số trong trường THCS

Thứ nhất, hiện nay cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu to lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả trường THCS ứng dụng công nghệ số vào tổ chức hoạt động và quản trị nhà trường. Những công nghệ mới nổi như dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí thông minh nhân tạo, thực tế ảo và thực tế tăng cường, ứng dụng di động, mạng xã hội, internet vạn vật, công nghệ chuỗi khối, máy học... ngày càng phổ biến và được ứng dụng rộng rãi trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Do vậy, các trường THCS không thể đứng ngoài xu thế chung đó.

Thứ hai, các trường THCS đang hướng tới tăng cường tự chủ về tổ chức hoạt động, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính đi đôi với tăng cường trách nhiệm



giải trình cho các bên liên quan. Điều này đồng nghĩa với việc cần đổi mới cách thức quản trị trường học từ nặng về hành chính quan liêu sang hướng quản trị tinh gọn hiệu quả để tiết kiệm tối đa nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động. Chuyển đổi số chính là cách thức ngắn nhất và hiệu quả nhất giúp nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường, tăng cường trách nhiệm giải trình, kết nối trường THCS với các bên liên quan (cha mẹ học sinh, cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác, cộng đồng xã hội...)... từ đó góp phần làm tăng uy tín và thương hiệu của nhà trường.

Thứ ba, các trường THCS ngày nay đang đứng trước yêu cầu không ngừng nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục học sinh để phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh sẵn sàng học tập lên các cấp học cao hơn. Các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng giáo dục ở Việt Nam cũng ngày càng cao hơn. Bên cạnh đó, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi cho các trường THCS tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, các chuẩn mực quốc tế, những mô hình giáo dục và quản lý giáo dục hiện đại. Vì vậy, các trường THCS cần phải thực hiện chuyển đổi số để nhanh chóng bắt kịp với xu thế giáo dục tiên tiến của nước ngoài, nâng cao chất lượng giáo dục, đem lại trải nghiệm học tập tốt nhất cho học sinh.

Thứ tư, đại dịch COVID-19 chính là "cú hích" để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong giáo dục khi các trường THCS phải đóng cửa và chuyển sang dạy học trực tuyến trong thời gian dài. Chuyển đổi số không còn là lựa chọn mà là một yêu cầu bắt buộc đối với các trường THCS nếu muốn duy trì hoạt động bình thường. Mặc dù trong giai đoạn đầu thực hiện, chuyển đổi số có thể là thách thức nhưng nếu có chiến lược tốt, lộ trình thực hiện rõ ràng, năng lực tổ chức hiệu quả thì các trường THCS có thể tận dụng tốt các cơ hội, tạo sự bứt phá chất lượng, hướng các hoạt động tới những chuẩn mực giáo dục chất lượng cao.

Với những đặc điểm bối cảnh kể trên, có thể nói, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu của sự phát triển giáo dục nói chung và trường THCS nói riêng.

1.3. Hệ thống văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số trong giáo dục trung học

1.3.1. Các văn bản chỉ đạo chung về chuyển đổi số trong giáo dục

Trong công cuộc phát triển kinh tế và xã hội ở Việt Nam ngày nay thì chuyển đổi số đã trở thành xu hướng tất yếu, là điều hiển nhiên. Từ năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 04/05/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó có giải pháp xây dựng chiến lược chuyển đổi số, quản trị thông minh, ưu tiên phát

triển công nghiệp công nghệ số. Quyết định số 749/QĐ-TTg ban hành kèm theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã đặt ra mục tiêu kép: "vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu".

Đồng thời với sự phát triển của xu hướng chuyển đổi số quốc gia hiện nay, ngành giáo dục đã và đang tích cực triển khai đổi mới dạy – học cũng như giáo dục và quản trị nhà trường theo hướng chuyển đổi số. Theo Quyết định 2653/QĐ-BGDĐT ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác định ứng dụng CNTT là 1 trong 9 nhóm nhiệm vụ trọng tâm để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 29 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo. Trong khuôn khổ Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng tới năm 2030, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục là một trong 8 lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu. Chuyển đổi số trong giáo dục cũng được xác định là một trong những nhóm nhiệm vụ trọng tâm của Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) của Chính phủ.

Gần đây nhất, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/QĐTTg ngày 25/1/2022 phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trong đó xác định mục tiêu đến năm 2025 là: "100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số; trong đó: 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc; 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số". Có thể thấy, hệ thống chủ trương, chính sách chung về chuyển đổi số trong giáo dục đã tương đối hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị, quản lý giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

1.3.2. Các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số trong giáo dục trung học

Trên cơ sở các chính sách kể trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo về tăng cường thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong ngành giáo dục nói chung và giáo dục trung học nói riêng:

- Quyết định 4919/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công thông tin điện tử tại các sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, và các trường THCS, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;
- Thông tư 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;
- Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;
- Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;
- Quyết định 4597/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục;
- Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ ở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;
- Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

1.3.3. Các văn bản về đảm bảo an toàn, an ninh mạng

Trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, trường THCS cần đặc biệt chú ý tới vấn đề bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ học sinh trên không gian mạng:

- Luật An ninh mạng 2018 (lưu ý Điều 29. Bảo vệ trẻ em trên không gian mạng);
- Luật Trẻ em 2016 (lưu ý Điều 54. Trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên không gian mạng);
- Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09//05/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (lưu ý Chương IV Trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng);

- Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- Quyết định 874/QĐ-BTTTT ngày 17/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ quy tắc xử trí trên mạng xã hội;

1.4. Lợi ích của chuyển đổi số trong trường THCS đối với các bên liên quan

1.4.1. Đối với học sinh

Học sinh là đối tượng thụ hưởng quan trọng nhất từ những lợi ích của chuyển đổi số trong giáo dục. Thứ nhất, chuyển đổi số đem lại cho học sinh cơ hội trải nghiệm nguồn tài nguyên giáo dục phong phú, học tập mọi lúc mọi nơi. Học sinh cũng được trải nghiệm chương trình giáo dục và các hoạt động học tập đa dạng hơn, cụ thể hơn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu giáo dục cá nhân hoá. Khác với trước đây, các hoạt động học tập chỉ giới hạn trong phạm vi lớp học trực tiếp thì hiện nay, nhờ có chuyển đổi số, học sinh có thể trải nghiệm nhiều bối cảnh học tập khác nhau nhờ những công nghệ tiên tiến như thực tế ảo, thực tế tăng cường.

Thứ hai, chuyển đổi số đặc biệt có ý nghĩa đối với học sinh ở những vùng miền núi, vùng sâu vùng xa khi các em có cơ hội thụ hưởng giáo dục số như các bạn đồng trang lứa ở khu vực thuận lợi, góp phần tăng cường tiếp cận và công bằng trong giáo dục.

Thứ ba, chuyển đổi số giúp học sinh có được sự hỗ trợ nhanh chóng và kịp thời từ phía cha mẹ và nhà trường thông qua các kênh kết nối thường xuyên giữa hai bên, đặc biệt với những học sinh đầu cấp và cuối cấp.

Cuối cùng, chuyển đổi số giúp học sinh sớm hình thành nhận thức số và năng lực số, chuẩn bị cho việc học tập tiếp theo trong tương lai. Điều này đặc biệt quan trọng đối với thế hệ học sinh THCS hiện nay (bao gồm thế hệ gen Z và thế hệ gen alpha, hay thế hệ kính vì đã thường xuyên tiếp xúc với các thiết bị có bề mặt kính như điện thoại, máy tính, tivi). Các em gen alpha được tiếp xúc với công nghệ từ khi ra đời, là những người ưa thích và chủ động hơn khi tương tác qua các nội dung trực tuyến và họ cũng chính là những người sáng tạo ra các nội dung số trong tương lai. Vì vậy, việc các trường THCS thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho học sinh sẽ giúp hình thành, bồi dưỡng, phát huy sự tự tin và năng lực số, tạo dựng nền tảng vững chắc cho các em bước vào bậc THPT hoặc tham gia giáo dục nghề nghiệp.

1.4.2. Đối với cha mẹ học sinh

Chuyển đổi số là cơ hội để tăng cường sự phối hợp của cha mẹ học sinh với trường THCS trong các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh. Nhiều cha mẹ học sinh hiện nay cũng rất cập nhật và cởi mở với những thay đổi công nghệ. Để phối hợp tốt với cha mẹ học sinh, các trường THCS cũng phải thay đổi công cụ và cách thức liên lạc, phối hợp, tổ chức hoạt động theo xu hướng hiện đại. Nhờ duy trì tốt sự kết nối, tương tác với cha mẹ học sinh mà các hoạt động giáo dục học sinh sẽ trở nên đa dạng hơn, không chỉ là học ở trường mà học sinh vẫn tiếp tục duy trì học ở nhà và mọi lúc mọi nơi dưới sự đồng hành của cha mẹ.

Nhờ có các công cụ của chuyển đổi số, cha mẹ học sinh cũng dễ dàng đóng góp ý kiến phản hồi, tham gia giám sát các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của trường THCS thông qua việc liên tục cập nhật thông tin về tình hình của con em mình tại trường, tình hình hoạt động của nhà trường, qua đó giúp trường THCS củng cố thương hiệu nhà trường và sự tin tưởng của cha mẹ học sinh. Bên cạnh đó, sự kết nối giữa cha mẹ học sinh với nhau trong lớp học hay trường học tạo cơ hội để họ được trao đổi kinh nghiệm giáo dục con em mình, hình thành cộng đồng cha mẹ học sinh gắn kết, hợp tác.

1.4.3. Đối với trường THCS

Việc triển khai chuyển đổi số trong tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục học sinh giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Chuyển đổi số cũng giúp trường THCS có điều kiện đa dạng hoá các hoạt động dịch vụ xã hội hoá đáp ứng nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh. Trong công tác quản trị trường học, chuyển đổi số là cơ hội để trường THCS rà soát lại mọi quy trình vận hành để cải tiến, tối ưu hoá hiệu quả quản trị trường học; giúp trường THCS tối ưu hoá chi phí hoạt động, giảm chi phí hoạt động. Ví dụ: các hoạt động lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu được thực hiện hiệu quả hơn, dễ dàng truy xuất phục vụ các mục đích khác nhau. Công tác lập kế hoạch, ra quyết định dựa trên số liệu và dữ liệu thực tế, giúp phân tích, dự đoán xu hướng, tình hình ở mức chính xác cao. Cũng nhờ chuyển đổi số, các dữ liệu hoạt động được quản lý khoa học và minh bạch hơn, hỗ trợ nhà trường thực hiện trách nhiệm giải trình cho các bên liên quan. Tóm lại, chuyển đổi số làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức hoạt động của trường THCS theo hướng tinh gọn, hiệu quả, hình thành văn hoá số trong làm việc.

Đối với các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường THCS, chuyển đổi số giúp nâng cao năng lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Quá trình các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cùng hợp tác, phát triển chuyên môn sẽ dần hình thành nền tảng văn hoá tổ chức học hỏi. Ở phạm vi rộng hơn, chuyển đổi số là cơ hội thúc đẩy hợp tác giữa các trường THCS

trong việc xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu, hệ thống học liệu, hợp tác phát triển chuyên môn giáo viên; kết nối tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

1.4.4. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục

Chuyển đổi số tạo thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước trong chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, giám sát đánh giá hoạt động của các cơ sở giáo dục nói chung và trường THCS nói riêng nhờ vào hệ thống dữ liệu luôn đầy đủ, cập nhật và các công cụ số phục vụ chỉ đạo, điều hành.

Chuyển đổi số góp phần đổi mới căn bản phương thức quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả, minh bạch dựa trên nền tảng dữ liệu, công nghệ số; sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu lớn phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước như hoạch định - giám sát đánh giá chính sách. Chuyển đổi số thành công trong giáo dục góp phần xây dựng thành công Chính phủ số, hiện thực hoá chủ trương chính phủ kiến tạo, phục vụ công dân.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1 Thực trạng “chuyển đổi số” trong giáo dục đào tạo hiện nay và ở trường THCS

Đại dịch Covid – 19 kéo dài qua các năm 2019-2020 đã gây ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của cuộc sống, và đặc biệt đối với ngành giáo dục và đào tạo. Tại Việt Nam chúng ta, nhiều trường học đã áp dụng giảng dạy online để đảm bảo hoạt động giáo dục trong thời gian cách li xã hội này. Các thầy cô và học sinh đã hết sức nỗ lực để biến thách thức này trở thành cơ hội, từng bước thay đổi nhận thức về chuyển đổi số. Với ngành giáo dục, từ cấp Bộ, cấp Sở đến các trường học ở tất cả các địa phương trên cả nước, các thầy, cô giáo cũng như học sinh đã luôn nỗ lực, “miệt mài” bên chiếc máy tính để thiết kế bài cũng như chuẩn bị các tiết dạy – học online. Từ những giáo viên còn chưa thạo CNTT cơ bản, chưa biết soạn bài, chưa biết sử dụng những ứng dụng dạy học, thì giờ đây, nhiều thầy cô giáo đã trở thành những giáo viên dạy online giỏi, sử dụng thành thục những phần mềm hỗ trợ giảng dạy trực tuyến như Zoom, Teams, Google Meet,...

Hiện nay, ngành giáo dục đã xác định rằng ứng dụng CNTT trong quản lý dạy – học và hỗ trợ đổi mới dạy – học là một trong chính nhóm nhiệm vụ trọng tâm triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 29 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT. Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ CNTT trong quản lý giáo dục, đổi mới dạy – học, nghiên cứu khoa học đã được



Thủ tướng Chính phủ ban hành đối với toàn ngành giáo dục. Với sự quan tâm sát sao của chính phủ, “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, hàng loạt chính sách thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục đã được ban hành, hàng lang pháp lý đã dần được hoàn thiện như là các quy định ứng dụng CNTT trong quản lý hay mô hình ứng dụng CNTT ở trường phổ thông, và chuẩn dữ liệu kết nối.

Theo bài báo (Nam, 2020) “Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Thực trạng và giải pháp”, chúng ta có được những số liệu sau “Năm 2020, toàn ngành giáo dục đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ Trung ương đến 63 sở GDĐT, 710 phòng GDĐT và khoảng 53.000 cơ sở giáo dục. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của khoảng 53.000 trường học, 1.4 triệu giáo viên và 23 triệu học sinh. Cơ sở dữ liệu ngành đã hỗ trợ rất đắc lực trong công tác tuyển sinh, thống kê và báo cáo trong toàn ngành, giúp các cấp quản lý ban hành chính sách và quản lý có hiệu quả, vừa qua đã góp phần giải quyết vấn đề thừa thiếu giáo viên ở các nhà trường theo từng địa phương, môn học. Khối phổ thông khoảng 82% các trường sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và hầu hết các cơ sở giáo dục đại học đều sử dụng phần mềm quản trị nhà trường. Hệ thống quản lý hành chính điện tử kết nối 63 sở GDĐT và hơn 300 trường đại học, cao đẳng trên cả nước với Bộ GDĐT hoạt động thông suốt, ổn định, phát huy hiệu quả tích cực.

Về dạy - học, giáo viên toàn ngành được huy động tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số toàn ngành; đóng góp lên Hệ tri thức Việt số hóa gần 5.000 bài giảng điện tử e-learning có chất lượng, kho luận văn tiến sĩ với gần 7.000 luận văn, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với trên 31.000 câu hỏi...góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh học tập suốt đời.

Về nhân lực số, ở bậc phổ thông, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, môn Tin học sẽ được đưa vào giảng dạy bắt buộc ngay từ lớp 3; giáo dục STEM được lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống. Trong giáo dục đại học, triển khai cơ chế đặc thù đào tạo nhân lực CNTT, qua đó giúp các cơ sở đào tạo gia tăng cơ hội hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế để huy động các nguồn lực của xã hội tham gia vào quá trình đào tạo nhân lực CNTT, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng nhân lực ở các doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội.”

Tuy nhiên, việc chuyển đổi số của ngành giáo dục đào tạo hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tồn tại. Khó khăn đầu tiên phải kể đến là về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy tính, camera, máy in, máy quét, đường truyền dịch vụ Internet,

wifi cho nhà trường, giáo viên và học sinh – đặc biệt là những cơ sở giáo dục ở vùng xa, vùng còn khó khăn – vẫn còn thiếu thốn, lạc hậu, chưa đồng bộ và nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu cho việc chuyển đổi số trong cả công tác quản lý lẫn đảm bảo việc dạy – học. Ngay ở đơn vị trường THCS Đô Thị Việt Hưng, do hoạt động đã lâu nên cơ sở vật chất trường đã có dấu hiệu hư hỏng, phòng máy tính có hơn 40 máy tính thì giờ hiện trạng chỉ còn 14 máy tính sử dụng được, và không có kết nối internet nên việc tổ chức các cuộc thi trực tuyến cho học sinh tại trường còn gặp nhiều khó khăn. Những trường ở vùng cao thì hệ thống máy chiếu, trang thiết bị máy tính vẫn còn thiếu thốn, lạc hậu dẫn đến khó khăn, chông chéo về lịch dạy của giáo viên, khiến nhiều giáo viên bỏ việc sử dụng CNTT mà chuyển sang dạy theo cách truyền thống, để kịp với tiến độ, kế hoạch bài dạy. Khó khăn thứ hai là nhiều giáo viên chưa thành thạo trong việc sử dụng máy tính, chưa biết cách cài đặt và sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học cũng như chưa biết cách khai thác các học liệu mạng. Đây cũng là một khó khăn đối với các trường học nói chung trong quá trình triển khai chuyển đổi số trong quản lý dạy và học. Về phía học sinh và phụ huynh, vẫn còn những gia đình chưa có điều kiện trang bị những thiết bị học tập phù hợp để các em học online khi cần thiết. Một khó khăn khác nữa là các đơn vị trường học chưa có nguồn nhân lực quản lý, nhân lực triển khai và tiềm lực tài chính để đảm bảo kho học liệu số đạt chất lượng và số lượng, đáp ứng được nhu cầu học tập, tham khảo và nghiên cứu của học sinh và giáo viên. Phần lớn các trường đều phụ thuộc vào nhóm giáo viên Tin học và giáo viên trẻ thành thạo CNTT, nhưng nguồn nhân lực này còn rất hạn chế, do vậy việc xây dựng hệ thống học liệu số (sách điện tử, bài giảng điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, phần mềm hỗ trợ dạy và học trực tuyến,...) còn phát triển tự phát, chưa thành nếp và chưa có hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và số lượng. Cuối cùng, việc thu thập, chia sẻ và khai thác dữ liệu quản lý giáo dục và học liệu số cần phải có hành lang pháp lý chung phù hợp với các quy định như: quy định về bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin, giao dịch điện tử, luật chia sẻ cung cấp thông tin,... Cụ thể như quy định về danh mục các thông tin bắt buộc khai báo, nhập liệu cần phân biệt với thông tin cá nhân riêng tư thuộc quyền cá nhân, quy định quyền tác giả cho các bài giảng điện tử, quy định về khai thác cơ sở dữ liệu, kho học liệu số, quy định tính pháp lý của hồ sơ điện tử nói chung, về sổ điểm, học bạ điện tử nói riêng.

Khi những khó khăn nêu trên được tháo gỡ thì chắc chắn hệ thống dữ liệu số, học liệu số sẽ được thúc đẩy phát triển, đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi số của ngành giáo dục và đào tạo nói chung, cũng như trường THCS Đô Thị Việt Hưng nói riêng.

2.2 Kết quả tìm hiểu các bài viết, sáng kiến kinh nghiệm đã có

Sau khi tìm hiểu sáng kiến kinh nghiệm “Ứng dụng CNTT trong quản lý văn bản hành chính tại trung tâm GDTX tỉnh”, tác giả chỉ đề cập đến việc ứng dụng CNTT trong quản lý văn bản hành chính mà chưa bao quát phạm vi quản lý dạy và học của nhà trường. Đối với sáng kiến kinh nghiệm (Cường, 2013) “Một số đổi mới trong công tác quản lý của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Hữu Huân”, tác giả đưa ra nội dung các giải pháp như sau: tuân theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong đời sống, xã hội và giáo dục. Bên cạnh đó là đẩy mạnh việc tuyên truyền và thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với cán bộ giáo viên và học sinh. Tiếp đó, tác giả đề xuất cần thực hiện các cuộc vận động “Hai không” với 4 nội dung của Bộ GD&ĐT, nhà trường luôn tích cực đẩy mạnh các phong trào như “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo”, “Dạy tốt, học tốt”, “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”,... Bên cạnh đó, nhà trường luôn phải đảm bảo điều lệ, quy chế giáo dục cũng như các quy định về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung, chương trình, đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông... do Bộ GD&ĐT triển khai. Để thực hiện những giải pháp nêu trên, tác giả nhấn mạnh: nhà trường cần triển khai một cách tuần tự những nội dung kể trên thông qua các Nghị quyết Chi bộ, kế hoạch năm học của nhà trường hay là kế hoạch chính trị tư tưởng và kế hoạch Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh (có điều chỉnh và bổ sung tùy theo tình hình thực tế của mỗi nhà trường). Ngoài ra ban quản lý nhà trường cần phải phối hợp các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến những nội dung về giải pháp trong các buổi họp Hội đồng sư phạm, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm; khắc ghi những nội dung đó thông qua các khẩu hiệu, văn bản của Nhà nước và của ngành đưa về các tổ thảo luận. Song song với đó là nhà trường cần tiếp tục củng cố, đầu tư phát triển tủ sách Pháp luật, trang bị cho phòng làm việc của giáo viên và Thư viện đầy đủ các phương tiện nghe, nhìn, máy tính truy cập Internet. Việc khen thưởng cho các giáo viên viết bài thu hoạch chính trị đạt loại Xuất sắc cũng cần được thực hiện một cách đầy đủ, nghiêm túc; Ban giám hiệu nhà trường cần có sự phối hợp với Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên tổ chức các Hội thi cho giáo viên và học sinh cũng như rà soát, bình chọn những cá nhân tiêu biểu trong việc Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh làm cơ sở để tuyên dương khen thưởng. Bài viết được tác giả trình bày một cách tỉ mỉ, công phu, nội dung chi tiết nhưng chưa rõ trọng tâm và nhiều giải pháp chưa mới, chưa cập nhật xu hướng của thời đại. Sau khi nghiên cứu sáng kiến (Việt, 2020) “Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở trường THPT Nam Đàn 2”, tác

giải đề xuất giải pháp: Tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, vai trò quản lý của Ban giám hiệu và các tổ chuyên môn trong nhà trường. Nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn cho giáo viên. Nhà trường cần đổi mới phương pháp dạy học, cụ thể là dạy học phải theo định hướng phát triển năng lực người học, lấy học sinh làm trung tâm như quan điểm của chương trình giáo dục phổ thông mới. Cùng với đó, cần nâng cao năng lực học tập, giáo dục đạo đức và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua các môn học như giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và giáo dục địa phương. Nhà trường cũng luôn cần tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, có sự giao tiếp, chia sẻ với phụ huynh học sinh cũng như các đơn vị liên quan để được hỗ trợ mọi mặt. Ngoài ra, nhà trường cần đẩy mạnh phong trào thi đua và thực hiện công tác đánh giá, thi đua khen thưởng theo hướng hiệu quả, khách quan, trung thực. Những giải pháp đó trở thành những bài học đáng quý, và là gợi ý, là đối sánh tốt cho tôi khi viết những giải pháp trong sáng kiến kinh nghiệm của bản thân đang thực hiện vận dụng, từ đó tìm ra phương án hiệu quả và phù hợp với trường THCS Đô Thị Việt Hưng.

Thông qua việc tìm hiểu, tham khảo những sáng kiến kinh nghiệm của các đồng nghiệp, từ những bài viết có nội dung liên quan, tôi thấy rằng những văn bản nghiên cứu chuyên sâu và có quy mô về vấn đề ứng dụng CNTT trong quản lý dạy và học là chưa có. Thêm vào đó, các bài viết, những sáng kiến kinh nghiệm đó đều chỉ đề cập vấn đề với mức dung lượng rất ngắn, và những biện pháp, giải pháp được đưa ra lại tập trung vào những lĩnh vực như kinh doanh,... chứ rất ít bài viết về giáo dục, đặc biệt là quản lý dạy và học. Vậy nên có thể khẳng định rằng sự vận dụng những biện pháp trong sáng kiến kinh nghiệm này của tôi là những vấn đề mới, mang tính cập nhật và cụ thể đối với trường THCS Đô Thị Việt Hưng.

3. Các biện pháp cụ thể:

3.1 Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý hoạt động dạy học

Để thúc đẩy việc chuyển đổi số, ứng dụng CNTT vào quản lý hoạt động dạy học ở trường THCS Đô Thị Việt Hưng, nhà trường đã tiến hành khai thác quản lý hoạt động dạy học qua mạng internet bằng nhiều hình thức đa dạng.

Trước hết, nhà trường triển khai bằng cách cho giáo viên học tập, tiếp thu các văn bản chỉ đạo nhiệm vụ năm học, các chỉ thị, hướng dẫn có liên quan đến vấn đề tại các cuộc họp hội đồng nhà trường, họp tổ, họp nhóm chuyên môn, đảm bảo 100% giáo viên nắm được thông tin đầy đủ, chính xác về vấn đề trường chỉ

đạo và triển khai thực hiện. Đây là một khâu quan trọng để triển khai các chương trình học tập và đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào quản lý vì giáo viên – đối tượng được quản lý, mà chưa nắm rõ, nắm chắc các vấn đề, các quy định trong văn bản pháp quy của ngành thì không chỉ việc triển khai các nội dung sẽ gặp khó khăn, mà thậm chí chính những giáo viên sẽ mắc phải những sai phạm do thiếu hiểu biết.



Sinh hoạt chuyên môn – họp hội đồng.

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã triển khai chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch năm học kịp thời, chú trọng các chỉ tiêu đăng ký xây dựng bài giảng điện tử; chỉ tiêu các tiết dạy chuyên đề, thiết kế bài giảng e-learning,... Các tiết dạy đều được cập nhật vào hồ sơ để theo dõi và quản lý, khi cán bộ quản lý cần sẽ có ngay thông tin để kiểm tra, rà soát. Với chủ trương này, nhà trường tạo thế chủ động và bài bản, nghiêm túc cho các tổ chức, đoàn thể, tổ chuyên môn và giáo viên khi triển khai các nhiệm vụ năm học.

Mặt khác, ban giám hiệu trường THCS Đô Thị Việt Hưng tiến hành thực hiện quản lý thông qua các hoạt động thực tiễn, cụ thể của cán bộ, giáo viên trong nhà trường. Trong công tác quản lý và dạy học, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS Đô Thị Việt Hưng đều thực hiện khai báo lịch báo giảng điện tử, đánh giá cán bộ công chức viên chức hàng tháng, thường xuyên cập nhật điểm của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành.

STT	Thứ	Thời học (TKB)	Kiểu giảng dạy	Môn học	Lớp học	Thiet thea PPCT	Giáo viên	DV sắc nhân	CBQL Duyệt	Ghi chú
1		07:30 - 08:15						Class		
2		08:20 - 09:05						Class		
3	Sáng	09:20 - 10:05						Class		
4		10:10 - 10:55	Lên lớp	Toán (đại số)	6A2	41	Đỗ Phạm Thu Hằng (số nguyên, Quan hệ của hai tập hợp; số nguyên (tiếp))	Hoàn thành		
5	Thứ 2 18-12-2023	11:00 - 11:40	Lên lớp	Toán (đại số)	6A2	42	Đỗ Phạm Thu Hằng (số nguyên, Quan hệ của hai tập hợp; số nguyên (tiếp))	Hoàn thành		
6		13:55 - 14:35						Class		
7		14:40 - 15:20						Class		
8	Chiều	15:25 - 16:05	Lên lớp	Toán (tổ hình)	6A1	31	Luyện tập: Pháp nhân số nguyên	Hoàn thành		
9		16:10 - 16:50						Class		
10		07:30 - 08:15						Class		

Báo giảng online.

STT	Thời điểm đánh giá	Kỳ đánh giá	Năm đánh giá	Điểm đánh giá	Xếp loại	Thời điểm tự đánh giá	Trạng thái	Thao tác
1	15:26 25/12/2023	Tháng 12	2023	88	Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Loại B)	20:44 12/12/2023	Đã đánh giá	
2	15:36 21/11/2023	Tháng 11	2023	85	Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Loại B)	16:14 16/11/2023	Đã đánh giá	
3	13:47 20/10/2023	Tháng 10	2023	88	Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Loại B)	20:12 18/10/2023	Đã đánh giá	
4	10:25 21/09/2023	Tháng 9	2023	85	Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Loại B)	22:37 17/09/2023	Đã đánh giá	

Đánh giá CBNV.

STT	Mã định danh Bộ GD&ĐT	Họ tên	1	2	3	ĐGĐG	ĐGĐG	ĐGĐG	DTĐM&H	Nhận xét tự đánh giá, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu (H&K)
37	011760316	Ngày sinh: 30-11-2011 Giới tính: Nam Lê Duy Tùng	9			7			77	Nội dung
38	011774527	Ngày sinh: 11-05-2011 Giới tính: Nam Nguyễn Sơn Tùng	9			85			87	
39	010907046	Ngày sinh: 20-09-2011 Giới tính: Nam Nguyễn Lâm Huy Vũ	9			5			9	
40	011830045	Ngày sinh: 15-07-2011 Giới tính: Nam Trần Phạm Nhật Vương	9			85			87	
41	011768866	Ngày sinh: 09-07-2011 Giới tính: Nam	8			95			9	

Nhập điểm online.

Việc soạn bài giảng điện tử và bài giảng elearning trở thành công việc thường xuyên của giáo viên nhà trường. Kho học liệu của nhà trường đã có rất nhiều bài giảng điện tử, elearning và học liệu số sẵn sàng cho học sinh truy cập và thuận tiện cho việc tìm kiếm thông tin phù hợp.

Ảnh kho học liệu nhà trường.

Việc sinh hoạt chuyên đề tập huấn chuyên môn được đổi mới bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến.



Sinh hoạt chuyên đề của giáo viên.

Trong năm học 2023-2024, nhà trường triển khai chữ ký số cá nhân, quản lý hồ sơ kế hoạch bài dạy, sổ sinh hoạt chuyên môn điện tử cho toàn bộ giáo viên trong đơn vị, hướng tới dần chuyển đổi số tất cả hồ sơ của giáo viên. Việc triển khai chữ ký số tạo nên hiệu quả cho việc lưu văn bản khoa học, tránh rườm rà và giảm bớt nhiều gánh nặng cho giáo viên.

Thêm vào đó, trường THCS Đô Thị Việt Hưng đã trang bị, lắp đặt hệ thống camera hồng ngoại cũng như hệ thống loa tại các hành lang, sân trường, để tạo nên hiệu ứng nhanh trong việc quản lý nề nếp của giáo viên và học sinh. Trước đây vẫn còn hiện tượng học sinh, giáo viên chưa hoàn toàn nghiêm túc trong việc đảm bảo giờ giấc lên lớp, về phòng bán trú; từ khi lắp đặt hệ thống camera giám sát và truyền thông tin về máy của Ban giám hiệu nhà trường, việc thực hiện thời gian lên lớp hay về phòng bán trú của giáo viên và học sinh đã tự giác và đúng quy định hơn. Đặc thù ở khu vực Đô thị Việt Hưng vắng dân cư và an ninh có phần khó kiểm soát nên nhờ camera tìm kiếm, phát hiện các thông tin liên quan mà những tình huống mất đồ dùng của học sinh, hay hiện tượng học sinh đi lạc đã được hạn chế tối đa. Có thể thấy nhờ ứng dụng CNTT mà nhà trường THCS Đô Thị Việt Hưng đã hoàn toàn quản lý được toàn bộ học sinh trong trường, điều này là một minh chứng rõ ràng cho sự thay đổi tích cực mà ứng dụng CNTT, chuyển đổi số mang lại cho nhà trường.

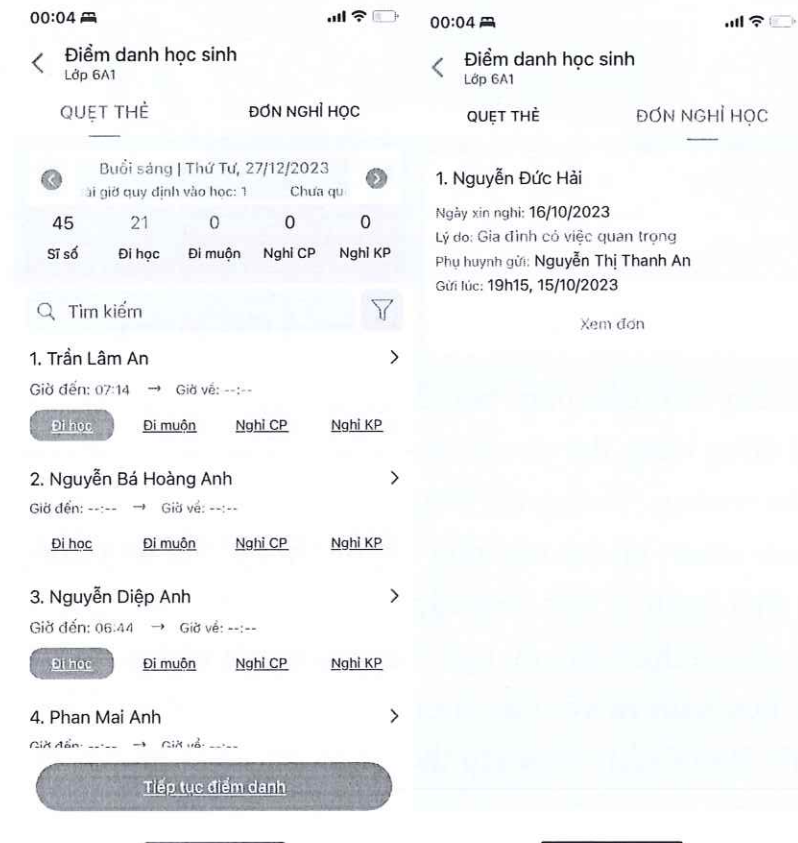


Camera nhà trường.

Điểm mới của năm học 2023-2024, nhà trường triển khai hệ thống điểm danh tự động bằng thẻ từ cập nhật chức năng nhận diện bằng khuôn mặt cho học sinh toàn trường. Thông tin chuyên cần của học sinh thường xuyên được gửi tới điện thoại smart phone của phụ huynh thông qua ứng dụng eNetViet. Phần mềm hệ sinh thái quản lý học sinh cập nhật thông tin liên tục, từ thời gian học sinh tới trường, vào ra thư viện, ăn ngủ bán trú, tình hình học tập, tình hình sức khỏe, cho đến lúc học sinh ra về. Các thông tin học sinh được cập nhật vào cơ sở dữ liệu ngành để Ban Giám hiệu kịp thời theo dõi chất lượng, điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp.



Thẻ điểm danh của học sinh.



Thư viện nhà trường đã hoàn thiện bổ sung đầy đủ các đầu sách báo, tạp chí lên phần mềm quản lý thư viện trực tuyến, để phục vụ nhu cầu của học sinh. Quản lý thư viện bằng phần mềm trực tuyến không chỉ giúp cán bộ thư viện quản lý được sách, tránh thất lạc mà còn giúp người quản lý nắm được tần suất mượn sách, số lượng bạn đọc, nội dung sách mà học sinh quan tâm,... từ đó có thể đưa ra những tư vấn về tâm sinh lý phù hợp cho học sinh, đặc biệt hỗ trợ cho phòng tư vấn tâm lý học đường của trường dự kiến triển khai vào năm học 2024-2025.



Thư viện đã số hóa của nhà trường.

#	Họ tên	Mã thẻ	Số lượt mượn
1	Vũ Thị Hải Yến	0102197102	1

#	Họ tên	Mã thẻ	Lớp	Số lượt mượn
1	Dương Bảo Trâm	0117692904	8A1	3
2	Đỗ Bảo Hân	0117729924	7A1	1
3	Đặng Đức Thái	0117688487	7A1	1
4	Vũ Ngọc Đức	0117692596	8A4	1
5	Trịnh Minh Thư	2210277516	8A3	1
6	Trịnh Kiều Anh	3731893044	6A5	1
7	Trần Ngọc Hà Anh	3834647124	6A4	1
8	Trần Ngọc Hà	3334616973	6A4	1
9	Phạm Vương Huyền Trang	0117692139	8A5	1
10	Nguyễn Huy Hoàng	0117770183	8A1	1

Phần mềm quản lý thư viện.

Thêm vào đó, bếp ăn bán trú có thể căn cứ vào kết quả phản hồi từ ứng dụng eNetViet cũng như phần mềm quản lý học sinh trực tuyến để điều chỉnh thực đơn đảm bảo dinh dưỡng và khẩu vị cho học sinh.

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐÔ THỊ VIỆT HÙNG
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ HỒNG ANH**

Địa chỉ: Lô TH103 Khu Đô Thị Việt Hùng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0975036888 Mail: lananhpham78@gmail.com

THỰC ĐƠN BỮA TRƯA HỌC SINH BÁN TRÚ

Tuần 03/12/2023 (35.000/suất đã bao gồm thuế VAT) (11-15/12/2023)

STT	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
1	Thịt kho trứng gà	Gà sốt chua ngọt	Đậu nhộng sốt thịt cà chua	Trứng đúc thịt	Chả nướng than hoa
2	Đậu rán sốt thịt cà chua	Lạc chiên tẩm muối gia vị	Thịt tẩm bột chiên xù	Chả cá sốt thịt cà chua	Đưa góp chua ngọt
3	Su su xào cà rốt	Giá đỗ xào thịt bò	Khoai tây xào	Bắp cải xào	Nước mắm chấm
4	Canh bắp cải nấu thịt	Canh bí xanh nấu xương	Canh cải canh nấu thịt gừng	Canh khoai tây nấu xương	
5	Cơm gạo tẻ	Cơm gạo tẻ	Cơm gạo tẻ	Cơm gạo tẻ	Bún tươi

* Ghi chú: Thực đơn có thể thay đổi theo tình hình thực tế nhưng không làm giảm hàm lượng dinh dưỡng!


Giám đốc
Phạm Thị Lan Anh


Hiệu trưởng
Vũ Thị Hải Yến

Thực đơn bữa trưa của học sinh bán trú.

Để phục vụ người dân tốt hơn, nhà trường áp dụng hệ thống thu phí không dùng tiền mặt, công khai thông tin trong các hoạt động của nhà trường, quản lý văn bản điện tử, liên lạc hai chiều giữa GVCN và PHHS thông tin kịp thời điểm số, thống kê kết quả học tập của học sinh, theo dõi thu chi,...

Ảnh ứng dụng thu phí không dùng tiền mặt.

Ảnh tin nhắn trao đổi với PHHS.

Đối với các đồng chí lãnh đạo thực hiện việc quản lý hồ sơ, sổ sách, văn bản; điều hành, cung cấp thông tin qua các trang mạng, nhóm mạng riêng như Zalo, Facebook,... Việc thông tin các vấn đề liên quan đến công việc, hội họp, quy định, lịch công tác tuần, tin tức về trường, thành tích của học sinh,... đều

được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và trang mạng xã hội của trường một cách kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.



Cổng thông tin điện tử trường THCS Đô Thị Việt Hưng.



Trang mạng xã hội trường THCS Đô Thị Việt Hưng.

Đối với việc quản lý học sinh ở mỗi lớp của các giáo viên chủ nhiệm, các lớp học sinh đồng loạt lập trang mạng riêng theo nhóm để giáo viên và phụ huynh liên lạc, trao đổi thông tin thường xuyên, kịp thời, góp phần quản lý giáo dục học sinh sát sao, chặt chẽ hơn.

Ảnh nhóm zalo học sinh các lớp.

Nhà trường còn thực hiện trả lương cũng như các khoản tiền của giáo viên qua thẻ, phát huy tối đa ứng dụng công nghệ hiện đại vào quản lý tài chính nhà trường, hạn chế giao dịch bằng tiền mặt đảm bảo sự an toàn và tiện lợi nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động trong đơn vị.

3.2 Tổ chức lòng ghép tuyên truyền, kích lệ việc “chuyển đổi số” và ứng dụng CNTT vào dạy học, thực hành

Một chủ trương hoặc một giải pháp có tính mới muốn được triển khai một cách đồng bộ trong tập thể, đơn vị thì trước hết công tác tuyên truyền phải được thực hiện đầy đủ. Mục đích của việc tuyên truyền là nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng cho cán bộ, giáo viên và cả học sinh. Sự đoàn kết, nhất trí đồng lòng cùng thực thi nhiệm vụ sẽ đảm bảo sự thành công của chủ trương mà nhà trường đưa ra.

Trong công tác tuyên truyền, kích lệ việc “chuyển đổi số” và ứng dụng CNTT tại đơn vị, nhà trường THCS Đô Thị Việt Hưng chú trọng khâu hình thức tuyên truyền. Hình thức tuyên truyền đa dạng, mở rộng đối tượng, tuyên truyền bằng nêu gương tiên phong ngay tại đơn vị. Cụ thể, nhà trường đã tổ chức thành công cuộc thi “Toán quốc tế SEAMO” và cuộc thi “Tin học Trẻ toàn quốc” dưới hình thức trực tuyến, đòi hỏi cả giáo viên lẫn học sinh tham gia phải có kỹ năng về CNTT; ban giám hiệu nhà trường đã tổ chức biểu dương, khen thưởng trước toàn trường những em học sinh đạt kết quả cao trong cuộc thi. Từ đó kích lệ vai trò của ứng dụng CNTT trong dạy và học, là tấm gương trong tập thể, đây là hình thức tuyên truyền bằng việc làm, hành động cụ thể và mang sức nặng thuyết phục.



Là trường đi đầu của quận Long Biên về chuyển đổi số, giáo viên của trường THCS Đô Thị Việt Hưng luôn chú trọng đến việc lồng ghép tuyên truyền ứng dụng CNTT trong việc dạy và học. Cụ thể trong các giờ tin học, giáo viên luôn nhiệt tình hướng dẫn học sinh, gợi ý và hỗ trợ các em học sinh tham gia các kì thi CNTT do phòng giáo dục đề xuất tổ chức.

3.3 Tăng cường quản lý việc tổ chức tập huấn, hướng dẫn kĩ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về CNTT

Việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh để đạt được kiến thức, kĩ năng đáp ứng thực hiện công tác chuyển đổi số là việc làm quan trọng và cấp thiết, vì vậy nên đội ngũ cán bộ quản lý phải luôn quan tâm tăng cường tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về CNTT.

Một trong những yêu cầu cơ bản của người giáo viên ở thời đại 4.0 hiện nay là phải có trình độ Tin học, biết sử dụng thành thạo máy vi tính, khai thác

mạng, sử dụng các phần mềm thông dụng hỗ trợ cho việc dạy và học; biết thiết kế giáo án E-learning, PowerPoint... Tuy nhiên làm quen với các phần mềm hỗ trợ mới luôn là vấn đề ở các trường học nói chung, bởi vậy việc tập huấn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên trong nhà trường luôn cần được tổ chức thường xuyên.

Thực tế ở trường THCS Đô Thị Việt Hưng đã triển khai các chương trình tập huấn sử dụng những phần mềm hỗ trợ quản lý hồ sơ học sinh thông qua thẻ từ vừa được đưa vào sử dụng. Sử dụng thẻ từ quản lý học sinh không chỉ giúp cho giáo viên chủ nhiệm nắm được sĩ số học sinh của lớp, mà còn hỗ trợ cho ban giám hiệu nhà trường, các cán bộ nhân viên nhà bếp, giáo viên trông bán trú nắm được toàn bộ tình trạng của học sinh để hỗ trợ xử lý mọi nhu cầu của các em. Bên cạnh đó, giáo viên còn được tập huấn sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ giáo viên và chữ kí số để số hóa các hồ sơ như kế hoạch bài dạy, các giấy tờ liên quan đến hợp chuyên môn,...

Việc tổ chức tập huấn được tiến hành theo các bước, đầu tiên là ban giám hiệu nhà trường gửi các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo để cán bộ nhân viên, giáo viên có những nhìn nhận sơ bộ, những hiểu biết cơ bản về vấn đề. Tiếp đó, nhà trường mời những chuyên gia về nội dung tập huấn về chia sẻ, hướng dẫn và giải đáp mọi thắc mắc của giáo viên trong quá trình ứng dụng CNTT vào công tác dạy và học. Nhờ đã có những hiểu biết sơ bộ về nội dung được tập huấn, cùng sự hướng dẫn tận tình sát sao của các chuyên gia cũng như sự tham gia nhiệt tình của các cán bộ giáo viên mà kết quả sau các buổi tập huấn, cán bộ và giáo viên của trường THCS Đô Thị Việt Hưng đều có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo các ứng dụng hỗ trợ quản lý học sinh cũng như quản lý hồ sơ giáo viên để làm việc một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.



Cán bộ và giáo viên trường THCS Đô Thị Việt Hưng tham gia tập huấn CNTT

4. Kết quả

Với việc áp dụng những biện pháp trên tại trường THCS Đô Thị Việt Hưng, tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh của trường đã đạt được kết quả đáng ghi nhận trong năm học 2023-2024:

- Về ứng dụng CNTT trong công tác quản lý dạy học:

Trường THCS Đô Thị Việt Hưng quận Long Biên đạt mức độ 2 về hoạt động ứng dụng CNTT và chuyển đổi số (theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT). Nhà trường đã ứng dụng CNTT để giải quyết nhiệm vụ "Chuyển đổi số trong dạy, học" và quan tâm hơn với hoạt động "Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường".

Nhà trường triển khai hệ thống điểm danh tự động bằng thẻ từ cập nhật chức năng nhận diện bằng khuôn mặt cho 991 học sinh.

Kho học liệu của nhà trường hiện có 2.383 bài giảng điện tử, elearning và học liệu số.

Nhà trường chủ động cung cấp 326 tin hoạt động của nhà trường lên Cổng thông tin điện tử, cũng như trang mạng xã hội trong năm 2023.

Nhà trường triển khai 45 chữ kí số cá nhân, quản lý hồ sơ kế hoạch bài dạy, sổ sinh hoạt chuyên môn điện tử.

Thành tích của học sinh trong cuộc thi Toán SEAMO

Thành tích của học sinh trong cuộc thi Tin học Quốc tế thành phố Hà Nội

- Về ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thư viện:

Thư viện nhà trường kịp hoàn thiện bổ sung 6.572 cuốn sách báo, tạp chí, cán bộ thư viện có thể quản lý trực tuyến tần suất và số lượng bạn đọc.

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Qua bài viết này, ta thấy rằng phong trào ứng dụng CNTT và chuyển đổi số giáo dục đã giúp thầy và trò trường THCS Đô Thị Việt Hưng làm việc năng suất và hiệu quả, nâng tỷ lệ chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn vào lớp 10 THPT luôn ở TOP 3 của quận Long Biên. Môi trường làm việc của trường THCS Đô Thị Việt Hưng càng chuyên nghiệp theo hướng hội nhập, càng khẳng định uy tín và thương hiệu ngôi trường chất lượng trong lòng dân.

Một hướng nghiên cứu mới nhưng Ban giám hiệu nhà trường THCS Đô Thị Việt Hưng cần quan tâm đó là thông qua phần mềm quản lý học sinh và phần mềm quản lý thư viện, nhà trường hoàn toàn có thể nắm được những nhu cầu về tâm, sinh lý học sinh, từ đó có thể thực hiện công tác tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh tại phòng tư vấn tâm lý học đường của trường THCS Đô Thị Việt Hưng, phòng chức năng này sẽ chính thức được đưa vào hoạt động trong năm học 2024-2025. Tôi tin rằng sự quản lý và quan tâm đúng đắn của Ban giám hiệu sẽ cải thiện công tác dạy – học của nhà trường THCS Đô Thị Việt Hưng.

Việc áp dụng sáng kiến kinh nghiệm ứng dụng CNTT trong công tác quản lý dạy và học tại trường THCS Đô Thị Việt Hưng đã đạt được những kết quả nhất định như giảm tải gánh nặng hồ sơ giáo viên, hồ sơ học sinh và giúp cho ban giám hiệu có thể quản lý trực tuyến toàn bộ vấn đề của học sinh và giáo viên trong trường, cải thiện nề nếp, ý thức và kiến thức của học sinh. Tôi tin rằng các trường THCS trong địa bàn quận Long Biên, với cùng mức độ quan tâm đến chuyển đổi số trong quản lý dạy và học, nếu áp dụng thực hiện những giải pháp được đưa ra trong bài viết này một cách đồng bộ và có hệ thống, thì sẽ đạt được những kết quả khả quan.

Xác nhận của BGH



Tác giả

A blue ink signature of the author, written in a cursive style.

Bùi Đặc Tú

HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Hải Yến

IV. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cường, H. P. (2013). Một số đổi mới trong công tác quản lý của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Hữu Huân. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nam, T. T. (2020, 6 7). *Tạp chí thông tin & truyền thông*. Retrieved from <https://ictvietnam.vn/chuyen-doi-so-trong-linh-vuc-giao-duc-va-dao-tao-thuc-trang-va-giai-phap-32536.html>.

Việt, H. Q. (2020). Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở trường THPT Nam Đàn 2. Nam Đàn, Nghệ An, Việt Nam.